BỘ CÔNG AN
BỆNH VIỆN 30-4

Số: 2895/BV-HCQT

V/v mời các Công ty báo giá may sắm đồ vải năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp trên thị trường

Bệnh viện 30-4 có kế hoạch "May sắm đồ vải năm 2023". Danh mục theo phụ lục I đính kèm.

Kính mời các đơn vị có khả năng cung cấp, gửi bảng báo giá theo mẫu Phụ lục II để Bệnh viện có cơ sở làm căn cứ xây dựng dự toán "May sắm đồ vải năm 2023".

Thông tin đơn vị tiếp nhận báo giá:

- Bệnh viện 30-4 (Thông qua Phòng Hành chính quản trị).
- Địa chỉ: Số 9 đường Sư Vạn Hạnh, phường 9, quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 0907.763.963 (gặp đồng chí Nguyễn Thế Thắng, Phòng Hành chính quản trị, trong giờ hành chính).

Thời gian nhận báo giá: 07 ngày kể từ ngày thông báo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Giám đốc (để b/cáo);
- Lưu: VT, P.HCQT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Thượng tá Nguyễn Trung Cang

Phụ lục I

(Đính kèm Công văn số 2895 /BV-HCQT ngày 01 tháng 11 năm 2023)

STT	Tên hàng hóa	Chất liệu	Quy cách sản phẩm	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
1	Áo bác sĩ (Theo thông tư 45/2015/TT-BYT)	Chất liệu vải KAKI hoặc tương đương thành phần,(34±1)% (bông)cotton; (66±1)% Polyesster. Chỉ số sợi tách từ vải . Dọc, ngang (46±0,5)/2. . Mật độ sợi: Dọc 280±2, ngang 270±2..khối lượng (g/m2) 160±2.Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Độ vón gút sau 7200 vòng quay cấp 3-4.	Quy cách may: - Áo blouse, cổ bẻ Danton, kiểu dài tay và ngắn tay. Chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. ngực có in logo của Bệnh viện. - Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	Việt nam	Cái	10
2	Áo choàng mổ	Chất liệu vải kaki hoặc tương đương thành phần,(15±1)% (bông)cotton; (85±1)% Polyesster. Mật độ sợi: Dọc 460±2, ngang 235±2.khối lượng (g/m2) 230±2.Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Chỉ số sợi tách từ vải dọc , ngag 18±1/1, độ vón gút 7200 vòng quay cấp 4	Màu xanh két, dài tay, áo dài quá gối 5-10cm, bo chun tay 6cm, buộc dây phía sau; In logo Bệnh viện	Việt nam	Cái	500
3	Quần áo phẫu thuật viên:cỡ 2XL, 3XL	Chất liệu vải thô hoặc tương đương thành phần,(35±1)% (vissco)cotton; (65±1)% Polyesster. Kiểu dệt vân điểm.Mật độ sợi: Dọc 280±2, ngang 260±2. khối lượng (g/m2) 175±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Áo cộc tay: Màu xanh cổ vịt , cổ trái tim, chui đầu, áo dài ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển trước ngực trái. Quần cạp chun, túi chéo 2 bên; In logo Bệnh viện trên ngực phía bên trái và may họ tên trên túi áo.	Việt nam	Bộ	600
4	Khăn lau tay phòng mổ:	TP bông	Kích thước: 30 x 50cm	Việt nam	Cái	500
5	Khăn tiêm xanh 1 lớp	TP bông	Kích thước: 30 x 40cm	Việt nam	Cái	300
6	Quần áo phẫu thuật viên dùng cho nhân viên Kiểm soát nhiễm khuẩn:	Chất liệu vải thô hoặc tương đương thành phần,(35±1)% (vissco)cotton; (65±1)% Polyesster. Kiểu dệt vân điểm.Mật độ sợi: Dọc 280±2, ngang 260±2. khối lượng (g/m2) 175±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Áo cộc tay: Màu xanh cổ vịt, cổ trái tim, chui đầu, áo dài ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển trước ngực trái. Quần cạp chun, túi chéo 2 bên; In logo Bệnh viện trên ngực phía bên trái và may họ tên trên túi áo.	Việt nam	Bộ	30

7	Quần áo phẫu thuật viên dùng cho nhân viên nội soi:	Chất liệu vải thô hoặc tương đương thành phần,(35±1)% (vissco)cotton; (65±1)% Polyesster. Kiểu dệt vân điểm.Mật độ sợi: Dọc 280±2, ngang 260±2. khối lượng (g/m2) 175±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Áo cộc tay: Màu xanh cổ vịt, cổ trái tim, chui đầu, áo dài ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển trước ngực trái. Quần cạp chun, túi chéo 2 bên; In logo Bệnh viện trên ngực phía bên trái và may họ tên trên túi áo.	Việt nam	Bộ	30
8	Ga giường 1,8 x 2,4m:	Chất liệu vải kate hoặc tương đương thành phần,(35±1)% (bông)cotton; (65±1)% Polyesster. Kiểu dệt vân điểmMật độ sợi: Dọc 295±2, ngang 270±2. khối lượng (g/m2) 165±2.Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Vải màu trắng KT 1,8 x 2m	Việt nam	Cái	500
9	Ga thun 1,8 x 2,4m:	Chất liệu vải cotton chun thành phần,(34±1)% visco; (2,±5)% Spandex , 64±1% Polyesster. Chỉ số sợi dọc (39±1)/2, chỉ số sợi ngang xe có chun (29±1/2 Mật độ sợi: Dọc 500±2., ngang 215±2. khối lượng (g/m2) 300±2.Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Độ vón gút sau 7200 vòng quay cấp 3-4	Vải thun co dãn màu trắng KT 1,8 x 2m	Việt nam	Cái	200
10	Săng Vàng 2 lớp, 1m x 1m	Chất liệu vải kaki hoặc tương đương thành phần,(15±1)% (bông)cotton; (85±1)% Polyesster. Mật độ sợi: Dọc 460±2, ngang 235±2.khối lượng (g/m2) 230±2.Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Chỉ số sợi tách từ vải dọc , ngag 18±1/1, độ vón gút 7200 vòng quay cấp 4	Vải màu vàng KT ;1x1m may 2 lớp viền 4 xum quanh và có đường trần chéo	Việt nam	Cái	500
11	Săng Xanh gói dụng cụ 2 lớp: KT 1x1m	Chất liệu vải kaki hoặc tương đương thành phần,(15±1)% (bông)cotton; (85±1)% Polyesster. Mật độ sợi: Dọc 460±2, ngang 235±2.khối lượng (g/m2) 230±2.Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Chỉ số	Vải màu xanh két KT: 1m x 1m may 2 lớp viền 4 xum quanh có 2 đường trần chéo	Việt nam	Cái	200

		sợi tách từ vải dọc , ngag 18±1/1, độ vón gút 7200 vòng quay cấp 4				
12	Săng vàng 2 lớp: 1,6m x 1,6m	Chất liệu vải kaki hoặc tương đương thành phần,(15±1)% (bông)cotton; (85±1)% Polyesster. Mật độ sợi: Dọc 460±2, ngang 235±2.khối lượng (g/m2) 230±2.Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Chỉ số sợi tách từ vải dọc , ngag 18±1/1, độ vón gút 7200 vòng quay cấp 4	Vải màu vàng KT: 1,6m x 1,6m may 2 lớp viền 4 xum quanh có 2 đường trần chéo	Việt nam	Cái	1.700
13	Săng Xanh đắp bệnh nhân 1 lớp: Kích thước 1,4m x 2,2m	Chất liệu vải kaki hoặc tương đương thành phần,(15±1)% (bông)cotton; (85±1)% Polyesster. Mật độ sợi: Dọc 460±2, ngang 235±2.khối lượng (g/m2) 230±2.Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Chỉ số sợi tách từ vải dọc , ngag 18±1/1, độ vón gút 7200 vòng quay cấp 4	Vải màu xanh két KT: 1,4m x 2,2 m may viền 4 xum quanh	Việt nam	Cái	250
14	Túi đựng đồ vải:	Vải Polyesster.	Kích thước (1,4 x 1,4)m x 90cm	Việt nam	**Cái**	**10**
15	Túi che chai hóa chất dùng cho TT Ung bướu:	Vải Polyesster.	Vải màu đen 2 lớp Kích thước 27cm x 18cm	Việt nam	**Cái**	**20**
16	Túi che dây dịch chuyền dùng cho TT Ung bướu:	Vải Polyesster.	Kích thước 150cm x 5cm (màu xanh 2 lớp)	Việt nam	Cái	20
17	Săng có lỗ dùng trong phẫu thuật mắt, kích thước 110x110cm	Chất liệu vải kaki hoặc tương đương thành phần,(15±1)% (bông)cotton; (85±1)% Polyesster. Mật độ sợi: Dọc 460±2, ngang 235±2.khối lượng (g/m2) 230±2.Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Chỉ số sợi tách từ vải dọc , ngag 18±1/1, độ vón gút 7200 vòng quay cấp 4	Vải kaki màu xanh két KT : 110 x110 cm, Đường kính lỗ Ø6cm, may 2 lớp có đường trần chéo	Việt nam	Cái	50

18	Săng có lỗ mắt, kích thước 60x90cm	Chất liệu vải kaki hoặc tương đương thành phần,(15±1)% (bông)cotton; (85±1)% Polyesster. Mật độ sợi: Dọc 460±2, ngang 235±2.khối lượng (g/m2) 230±2.Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Chỉ số sợi tách từ vải dọc , ngag 18±1/1, độ vón gút 7200 vòng quay cấp 4	Đường kính lỗ Ø6cm, 2 lớp Chất liệu Vải Kaki xanh két, kích thước 60x90cm	Việt nam	Cái	20
19	Săng có lỗ Răng-hàm mặt, kích thước 60x90cm	Chất liệu vải kaki hoặc tương đương thành phần,(15±1)% (bông)cotton; (85±1)% Polyesster. Mật độ sợi: Dọc 460±2, ngang 235±2.khối lượng (g/m2) 230±2.Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Chỉ số sợi tách từ vải dọc , ngag 18±1/1, độ vón gút 7200 vòng quay cấp 4	Đường kính lỗ Ø10cm, May 2 lớp Chất liệu Vải Kaki xanh két,kích thước 60x90cm	Việt nam	Cái	50
20	Áo choàng bệnh nhân chụp XQuang	Chất liệu vải Thô hoặc tương đương thành phần,(35±1)% (bông)cotton; (65±1)% Polyesster. Kiểu dệt vân điểm. Mật độ sợi: Dọc 295±2, ngang 270±2. khối lượng (g/m2) 165±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Màu xanh áo dài quá gối 5-10cm,tay lửng có cài cúc phía trước; In logo Bệnh viện ở ngực	Việt nam	Cái	75
21	Áo choàng bệnh nhân chụp MRI	Chất liệu vải Thô hoặc tương đương thành phần,(35±1)% (bông)cotton; (65±1)% Polyesster. Kiểu dệt vân điểm. Mật độ sợi: Dọc 295±2, ngang 270±2. khối lượng (g/m2) 165±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Màu xanh áo dài quá gối 5-10cm,tay lửng có cài cúc phía trước; In logo Bệnh viện ở ngực	Việt nam	Cái	50
22	Ga trải giường dùng cho Khoa Y học cổ truyền	Chất liệu vải cotton chun thành phần,(34±1)% visco; (2,±5)% Spandex , 64±1% Polyesster. Chỉ số sợi dọc (39±1)/2, chỉ số sợi ngang xe có chun (29±1/2 Mật độ sợi: Dọc 500±2., ngang 215±2. khối lượng (g/m2) 300±2.Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Độ vón gút sau 7200 vòng quay cấp 3-4	Kích thước (90x190) Ga thun bọc nệm	Việt nam	Cái	30

23	Ga thun bọc nệm 0,5cm	Chất liệu vải cotton chun thành phần,(34±1)% visco; (2,±5)% Spandex , 64±1% Polyesster. Chỉ số sợi dọc (39±1)/2, chỉ số sợi ngang xe có chun (29±1/2 Mật độ sợi: Dọc 500±2., ngang 215±2. khối lượng (g/m2) 300±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Độ vón gút sau 7200 vòng quay cấp 3-4	Kích thước (90x185) Ga thun bọc nệm dày 5cm	Việt nam	Cái	20
24	Vỏ gối	Chất liệu vải Thô hoặc tương đương thành phần,(35±1)% (bông)cotton; (65±1)% Polyesster. Kiểu dệt vân điểm. Mật độ sợi: Dọc 295±2, ngang 270±2. khối lượng (g/m2) 165±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	KT : 45 x65cm	Việt nam	Cái	50
25	Ga thun bọc nệm dùng cho khoa phục hồi chức năng	Chất liệu vải cotton chun thành phần,(34±1)% visco; (2,±5)% Spandex , 64±1% Polyesster. Chỉ số sợi dọc (39±1)/2, chỉ số sợi ngang xe có chun (29±1/2 Mật độ sợi: Dọc 500±2., ngang 215±2. khối lượng (g/m2) 300±2.Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Độ vón gút sau 7200 vòng quay cấp 3-4	Kích thước (90x190) Ga thun bọc nệm	Việt nam	Cái	30
26	Vỏ gối	Chất liệu vải Thô hoặc tương đương thành phần,(35±1)% (bông)cotton; (65±1)% Polyesster. Kiểu dệt vân điểm. Mật độ sợi: Dọc 295±2, ngang 270±2. khối lượng (g/m2) 165±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	KT : 45 x65cm	Việt nam	Cái	30

Phụ lục II
MẪU BÁO GIÁ

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện 30-4

(Tên đơn vị báo giá), có địa chỉ tại.....,số đăng ký kinh doanh....(được cấp bởi....)

Căn cứ thông báo mời báo giá của Bệnh viện 30-4 và khả năng cung cấp của công ty, chúng tôi xin gửi đến quý Bệnh viện bảng báo giá sữa chữa và thay mới thiết bị và nội thất các khoa phòng như sau:

STT	Tên Dịch vụ	Chất liệu	Quy cách sản phẩm	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá *(đồng)*	Ghi chú
1								
2								
...								
	Tổng cộng trước thuế							
	Thuế VAT							
	Tổng cộng sau thuế							

– Giá trên đã bao gồm gia công sản xuất, phí vận chuyển bàn giao tại Bệnh viện và các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có)

– Báo giá có hiệu lực:..... kể từ ngày báo giá.

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)